

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2023

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi đồng 1 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **“Mua sắm hàng hóa vật tư tiêu hao lần 7 của Bệnh viện Nhi Đồng 1 năm 2023”** với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi đồng 1
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Người nhận: Hoàng Oanh  
- SĐT người nhận: 0386825750

- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Thực hiện gửi hồ sơ chào giá bằng giấy (có đóng dấu và ký tên) và bản điện tử (file word/excel + File PDF scan từ bản giấy có đóng dấu và ký tên) về địa chỉ sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật Tư Trang Thiết Bị Y Tế, Tầng 5, Khu E - Bệnh viện Nhi Đồng 1, số 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Tp. HCM;

- Nhận qua email: [baogiavtttbyt@nhi dong.org.vn](mailto:baogiavtttbyt@nhi dong.org.vn)

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 09 tháng 11 năm 2023 đến trước 17h ngày 18 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2023.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

| STT | Danh mục                      | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                | Số lượng/ khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------|
| 1.  | Bộ catheter TMTW 2 nòng số 4F | *Catheter TMTW 2 đường trẻ em 4Fr, dài 6cm hoặc 8cm<br>* Catheter tương thích sinh học có cản quang | 900                  | Bộ          |

|    |                                                                |                                                                                                                                                                                                                        |         |      |
|----|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------|
|    |                                                                | * Dây dẫn J mềm và linh hoạt, chống gãy gấp                                                                                                                                                                            |         |      |
| 2. | Bộ catheter TMTW 2 nòng số 5F                                  | *Catheter TMTW 2 đường trẻ em 5Fr<br>* Catheter tương thích sinh học có cản quang<br>* Dây dẫn J mềm và linh hoạt, chống gãy gấp                                                                                       | 272     | Bộ   |
| 3. | Bộ đo huyết áp động mạch trực tiếp                             | * Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường Ipex, sử dụng ổn định cho trẻ em.                                                                                                                                           | 3.463   | Bộ   |
| 4. | Băng keo có gạc vô trùng (5 x 7cm)                             | Không gây dị ứng, không sót keo khi tháo.<br>Miếng lót không gây dính vào vết thương.<br>Vô trùng, đóng gói từng miếng.                                                                                                | 23.441  | Cái  |
| 5. | Băng keo vải (2,5 cm x 9,1m) ( $\pm 10\%$ )                    | Keo có độ dính lâu dài, dính chắc<br>Ít gây dị ứng, thích hợp cho da nhạy cảm<br>Lỗ thoát khí nhỏ: giúp da thông thoáng                                                                                                | 47.678  | Cuộn |
| 6. | Bột bó thủy tinh 4 in                                          | Chịu lực tốt với độ chắc bền cao.<br>Co giãn khi thao tác giúp ôm sát các góc cạnh.                                                                                                                                    | 18      | Cuộn |
| 7. | Sensor đo SPO2 dạng dán dùng nhiều lần cho trẻ em, trẻ sơ sinh | Sensor đo SPO2 dạng dán dùng nhiều lần cho trẻ em, trẻ sơ sinh                                                                                                                                                         | 49      | Cái  |
| 8. | Kim luồn an toàn 22                                            | Có đầu bảo vệ bằng kim loại, Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa, Catheter nhựa có 4 đường cản quang ngầm, Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 35ml / phút, 2100ml/ giờ; đường kính độ dài catheter 0.9mm x 25mm | 85.386  | Cây  |
| 9. | Kim luồn an toàn 24                                            | Có đầu bảo vệ bằng kim loại, Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa, Catheter nhựa có 4 đường cản quang ngầm, Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml / phút, 1320ml/ giờ; đường kính độ dài catheter 0.7mm x 19mm | 225.362 | Cây  |

|     |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         |     |
|-----|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----|
| 10. | Kính lọc bảo vệ đầu chiếu của máy laser điều trị bướu máu | Phù hợp sử dụng cho thiết bị laser điều trị trong bệnh bướu máu (bước sóng 595nm).                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 199     | Cái |
| 11. | Kim luồn số 20 (không cánh, không cửa)                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim luồn không cánh, không cửa.</li> <li>- Catheter làm bằng chất liệu ETFE (Ethylene-tetrafluor-ethylene). Đầu catheter dạng SL, ôm sát thân kim, lòng Catheter rộng cho lưu lượng dòng chảy cao.</li> <li>- Tiệt trùng bằng tia điện tử. Size: 20G x 1 1/4" (32mm). External/Internal diameter: 1.10mm/0.80mm; Flow rate (ML/min): 60.</li> </ul> | 1.480   | Cây |
| 12. | Kim luồn 16 (không cánh, không cửa)                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim luồn không cánh, không cửa.</li> <li>- Catheter làm bằng chất liệu ETFE (Ethylene-tetrafluor-ethylene). Đầu catheter dạng SL, ôm sát thân kim, lòng Catheter rộng cho lưu lượng dòng chảy cao.</li> <li>- Tiệt trùng bằng tia điện tử. Size: 16G x 2" (51mm). External/Internal diameter: 1.70mm/1.30mm; Flow rate (ML/min): 190</li> </ul>     | 744     | Cây |
| 13. | Lưỡi dao mổ số 11                                         | Thép không gỉ. Thiết kế cân bằng, mềm dẻo, rất sắc bén, lắp vào bộ phận dễ dàng, đóng gói tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma                                                                                                                                                                                                                                                              | 15.767  | Cái |
| 14. | Nẹp Iselin                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm làm từ hợp kim nhôm, có thể uốn cong.</li> <li>- Cố định khớp ngón tay, cổ định và bảo vệ gãy xương</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                             | 327     | Cái |
| 15. | Ống chích 50ml, không kim + luer lock                     | <p>Bơm tiêm 50ml không kim, dạng đầu khóa (Lock). Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP), trong suốt. Pitong làm bằng cao su tổng hợp đặc biệt độ đàn hồi tốt, bám khít tránh rò rỉ thuốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm không PVC, không Latex, không gây độc không phản ứng với thuốc. Tiệt trùng</li> </ul>                                           | 163.292 | Cái |

50  
BỘ  
Y  
T  
H P

✓

|     |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |        |      |
|-----|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------|
|     |                                        | bằng tia điện tử, không sử dụng khí EO.                                                                                                                                                                                                                                                          |        |      |
| 16. | Ống nội khí quản có bóng số 5,0        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vạch đánh dấu chiều dài ống phải được đánh dấu liên tục, rõ ràng</li> <li>- Đầu racor phải dính chặt vào thân ống,</li> <li>- Bóng chèn trơn, mềm mại, kích thước vừa phải.</li> <li>- Đầu ống không quá nhọn, tránh gây tổn thương niêm mạc</li> </ul> | 1.173  | Ống  |
| 17. | Phim X.Quang 35x43 (14x17ins)          | Độ nhạy và độ tương phản cao. Phim lộ sáng không bị hỏng phim khi tiếp xúc với ánh sáng. Kích thước 35 x 43 cm, tương thích dùng cho máy Drystar hoặc tương đương                                                                                                                                | 32.071 | Tờ   |
| 18. | Cuvette bằng nhựa dùng một lần         | Cuvette bằng nhựa dùng một lần, có bi làm bằng thép không gỉ bên trong                                                                                                                                                                                                                           | 23     | Cuộn |
| 19. | Túi ép phồng 200mmx100m                | Viên túi ép chắc chắn, không bị hở, tét khi tiệt trùng, chỉ thị lên màu rõ ràng, kích thước 200mm x 100m                                                                                                                                                                                         | 262    | Cuộn |
| 20. | Bình khí 100% EO cho máy tiệt khuẩn EO | Bình khí chứa 100% khí E.O, trọng lượng 170 gram $\pm 5\%$                                                                                                                                                                                                                                       | 2.267  | Bình |
| 21. | Phim X.Quang 20x25 (8x10ins)           | Độ nhạy và độ tương phản cao. Phim lộ sáng không bị hỏng phim khi tiếp xúc với ánh sáng. Kích thước 20 x 25cm, tương thích dùng cho máy Drystar hoặc tương đương                                                                                                                                 | 23.185 | Tờ   |
| 22. | Phim X.Quang 25x30 (10x12ins)          | Độ nhạy và độ tương phản cao. Phim lộ sáng không bị hỏng phim khi tiếp xúc với ánh sáng. Kích thước 25 x 30cm, tương thích dùng cho máy Drystar hoặc tương đương                                                                                                                                 | 361    | Tờ   |
| 23. | Áo nylon vô trùng trùm kính hiển vi    | Màng nhựa trong, có bo thun, kích thước ( $\pm 10\%$ ): 110x160 cm. Tiệt trùng và đóng gói từng cái                                                                                                                                                                                              | 540    | Cái  |
| 24. | Bộ cấy ốc tai số 2                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số kênh: <math>\geq 12</math> kênh - Yêu cầu điện cực: + Nguồn độc lập cấp điện cho từng điện cực + Chiều dài điện cực: 20-31.5mm</li> </ul>                                                                                                            | 10     | Cái  |

|     |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |      |
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------|
|     |                                                  | <p><math>\pm 10\%</math> (thay đổi theo ốc tai) + Điện cực đất: Không + Dạng điện cực: thẳng hoặc cong - Nam châm: Có thể chụp MRI ở <math>\geq 3.0</math> Tesla, không cần tháo nam châm. Có thể tháo rời khi cần thiết. - Thiết kế vỏ bọc titanium chịu lực va chạm: bao phủ bởi silicon, chịu lực va đập <math>\geq 2,5</math> Joule - Độ sâu làm giường bộ cấy: <math>\leq 2\text{mm}</math> - Trọng lượng: <math>\leq 8.6\text{g} \pm 10\%</math> - Kích thước bộ kích thích: <math>17.3 \times 25.4 \times 5.9 \text{ mm} \pm 10\%</math></p> |     |      |
| 25. | Băng dính giữ kim luôn $10 \times 10$            | <p>Vải nền đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) co giãn, mềm mại, thoáng khí, độ bền kéo <math>3.0\text{kg}/12\text{mm} \pm 300\text{g}</math>. Phủ keo Acrylic trọng lượng <math>100\text{g acrylic}/\text{m}^2</math>, độ dính <math>580\text{g}/12\text{mm} \pm 30\text{g}</math> an toàn cho mọi loại da, không sót keo sau khi tháo băng. Các vạch in sẵn giúp cắt theo kích cỡ tùy ý.</p>                                                                                                                                                 | 394 | Cuộn |
| 26. | Bộ ống dẫn lưu dịch não tủy ngoài vùng thất lưng | <p>Cấu tạo từ silicone và có phủ barium chống xoắn.<br/> - có khả năng theo dõi dòng chảy<br/> - có vị trí không sử dụng latex để có thể lấy dịch não tủy đi xét nghiệm hoặc truyền thuốc và hóa chất vào<br/> - Khóa một chiều ở đường dây dẫn để dễ dàng lấy mẫu dịch não tủy.<br/> - có tác dụng chống xoắn và cố định catheter.</p>                                                                                                                                                                                                             | 10  | Bộ   |
| 27. | Bóng giúp thở silicon (Ampu bag Silicon) 250ml   | <p>Bao gồm:<br/> - 01 bóng bóp Silicon (Dung tích <math>250\text{-}300\text{ml}</math>).<br/> - 01 mặt nạ Silicon (Các số: 1,2,3,4 hoặc 5).<br/> - 01 túi silicon chứa oxy (Dung tích: <math>1000\text{-}2500\text{ml}</math>).<br/> - 01 dây nối oxy 2m.<br/> - 01 val peep</p>                                                                                                                                                                                                                                                                    | 31  | Bộ   |

|     |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |       |
|-----|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|
| 28. | Bóng giúp thở 550ml<br>±5% hoặc tương đương | Bao gồm:<br>- 01 bóng bóp Silicon (Dung tích 550-650ml).<br>- 01 mặt nạ Silicon (Các số: 1,2,3,4 hoặc 5).<br>- 01 túi silicon chứa oxy (Dung tích: 1000-2500ml).<br>- 01 dây nối oxy 2m.<br>- 01 val peep                                                                        | 50    | Bộ    |
| 29. | Brassard huyết áp kế (Lớn )                 | Chất liệu T /C cao cấp và polyurethane, không gây dị ứng (loại bao đo dùng nhiều lần có túi hơi). Không chứa latex, tính năng kháng khuẩn cao, lớp chắn chất lỏng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn AHA. Chu vi bắp tay 20.5- 28cm, chiều dài ≥394mm, chiều rộng ≥114mm.                | 117   | Cái   |
| 30. | Brassard huyết áp kế (Trung )               | Chất liệu T /C cao cấp và polyurethane, không gây dị ứng (loại bao đo dùng nhiều lần có túi hơi). Không chứa latex, tính năng kháng khuẩn cao, lớp chắn chất lỏng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn AHA. Chu vi bắp tay 14-21.5mm, chiều dài ≥300mm, chiều rộng ≥91mm.                  | 45    | Cái   |
| 31. | Brassard huyết áp kế (Trẻ lớn)              | Chất liệu T /C cao cấp và polyurethane, không gây dị ứng (loại bao đo dùng nhiều lần có túi hơi). Không chứa latex, tính năng kháng khuẩn cao, lớp chắn chất lỏng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn AHA. Chu vi bắp tay 20.5-28cm, chiều dài ≥394mm, chiều rộng ≥114mm.                 | 117   | Cái   |
| 32. | Băng keo có gạc vô trùng (10cm x 15cm)      | Nền bằng Polyester đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) định lượng vải 45-55g/m <sup>2</sup> , mềm mại, thoáng khí. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. Gạc 5cm x 10cm, rayon 80%, PET (polyester) 20%, định lượng 210-230g/m <sup>2</sup> , độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g, có | 2.943 | Miếng |

|     |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                        |       |       |
|-----|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|
|     |                                                        | lớp màng Polyethylene (P.E) không dính vào vết thương.<br>Phủ keo Acrylic độ dính 580g/12mm $\pm$ 30g an toàn cho mọi loại da. Tiết trùng từng miếng.                                                                                                  |       |       |
| 33. | Băng kéo xương số 10                                   | Băng thun co giãn giúp cử động không bị hạn chế<br>Chất keo ít gây kích ứng, hạn chế nguy cơ phản ứng da, thích hợp cho da nhạy cảm<br>Băng thông thoáng và tránh làm hăm da<br>Giấy lót bảo vệ giúp dễ thao tác<br>Dính tốt và giúp kèm giữ chắc chắn | 2.535 | Cuộn  |
| 34. | Băng trong phẫu trường 10cm x 12cm                     | Băng không thấm nước, vô khuẩn, độ kích ứng thấp, nhẹ nhàng thoải mái khi dán trên da.<br>Dễ dàng quan sát và thăm khám vùng tiêm ở mọi thời điểm.<br>Băng film thông thoáng, cho phép trao đổi Oxy thoát hơi ẩm.                                      | 4.434 | Miếng |
| 35. | Băng trong phẫu trường có rãnh giữa 6cm x 7cm          | Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65%<br>Film Polyurethane: 2 - 15%.<br>Keo Acrylate : 3 - 30%<br>KT: 6cm x 7 cm                                                                                                                                               | 2.524 | Miếng |
| 36. | Băng thun Việt Nam                                     | Độ co giãn cao<br>Mềm mại, độ bền cao, thoáng mát, không gây kích ứng cho người sử dụng.                                                                                                                                                               | 818   | Cuộn  |
| 37. | Chỉ phẫu thuật tự tiêu chromic catgut 3.0 kim tam giác | Kim sắc bén, kim tam giác dài 26 mm, 3/8 vòng tròn.<br>Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.                                                                                                                                              | 162   | Tép   |
| 38. | Chỉ phẫu thuật tự tiêu chromic catgut 4.0 kim tròn     | Kim sắc bén, kim tròn dài 26 mm, 1/2 vòng tròn.<br>Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.                                                                                                                                                  | 492   | Tép   |
| 39. | Chỉ phẫu thuật tự tiêu chromic catgut 6.0 kim tam giác | Kim sắc bén, kim tam giác dài 12 mm, 3/8 vòng tròn.<br>Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.                                                                                                                                              | 84    | Tép   |

|     |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |       |     |
|-----|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|
| 40. | Chỉ phẫu thuật tự tiêu chromic catgut 5.0 kim tròn                  | Kim sắc bén, kim tròn dài 13 mm, 3/8 vòng tròn.<br>Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1.950 | Tép |
| 41. | Catheter chạy thận nhi hai đường các size các cỡ                    | Catheter TMTT dùng lọc máu, chạy thận 2 nòng 6,5Fr bao gồm :<br>1. Catheter Polyurethan 6.5Fr dài 11cm loại thẳng. Dây nối mỗi nòng làm bằng vật liệu silicon trong suốt để tăng khả năng hiển thị và an toàn.<br>2. Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.018" x 45cm<br>3. Cây nong 7Fr x 10cm<br>4. Bơm tiêm luer 5ml<br>5. Kim dẫn đường 18G x 7cm<br>6. Dao mổ<br>* Tốc độ dòng: V= 81~104ml/phút, A= 77~98 ml/phút<br>* Vô trùng EO, không pyrogenic | 86    | Cái |
| 42. | Co nối thẳng 1/4x3/16 có luer lock ( Straight connector 1/4 x 3/16) | * Co nối thẳng: Ống nối thẳng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, kết nối dẫn lưu<br>* Chất liệu nhựa carbonate trong suốt<br>* Kích cỡ: 1/4 x 3/16<br>* Đặc tính: 2 đầu male, tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện, Co nối thẳng có hoặc không có khóa luer lock<br>* Đóng gói tiệt khuẩn                                                                                                                                                | 8     | Cái |
| 43. | Co nối thẳng 1/4x3/8 có luer lock ( Straight connector 1/4 x 3/8)   | * Co nối thẳng: Ống nối thẳng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, kết nối dẫn lưu<br>* Chất liệu nhựa carbonate trong suốt<br>* Kích cỡ: 1/4 x 3/8<br>* Đặc tính: 2 đầu male, tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện, Co nối thẳng có hoặc không có khóa luer lock<br>* Đóng gói tiệt khuẩn                                                                                                                                                 | 19    | Cái |
| 44. | Co nối Y 3/8x3/8x1/4                                                | * Co nối chữ Y, dùng kết nối hệ thống dẫn lưu<br>Chất liệu: nhựa carbonate                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 43    | Cái |

|     |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |     |
|-----|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|
|     |                                            | <p>trong suốt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Kích cỡ: 3/8x3/8x1/4</li> <li>* Đặc tính: chữ Y, 3 đầu male, tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện, có hoặc không có khóa luer lock</li> <li>* Đóng gói tiệt khuẩn</li> </ul>                                                                                |       |     |
| 45. | Co nối Y 1/2-3/8-3/8                       | <p>* Co nối chữ Y, dùng kết nối hệ thống dẫn lưu</p> <p>Chất liệu: nhựa carbonate trong suốt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Kích cỡ: 1/2x3/8x3/8</li> <li>* Đặc tính: chữ Y, 3 đầu male, tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện, có hoặc không có khóa luer lock</li> <li>* Đóng gói tiệt khuẩn</li> </ul> | 43    | Cái |
| 46. | Co nối Y 1/4-1/4-1/4                       | <p>* Co nối chữ Y, dùng kết nối hệ thống dẫn lưu</p> <p>Chất liệu: nhựa carbonate trong suốt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Kích cỡ: 1/4-1/4-1/4</li> <li>* Đặc tính: chữ Y, 3 đầu male, tương thích với hệ thống dây nối của Bệnh viện, có hoặc không có khóa luer lock</li> <li>* Đóng gói tiệt khuẩn</li> </ul> | 86    | Cái |
| 47. | Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone 6.0 | <p>Chỉ phẫu thuật tổng hợp tiêu, chậm đơn sợi tiệt trùng polyglyconate thành phần copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate, số 6/0, sợi chỉ dài 75cm, kim tròn đầu nhọn dài 13mm, cong 1/2 vòng tròn, kim có chất liệu Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương.</p>                             | 1.446 | Tép |
| 48. | Chỉ silk 4.0 kim tam giác                  | <p>Chỉ không tan tự nhiên số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm</p>                                                                                                                                                                                                                                                    | 528   | Tép |
| 49. | Chỉ thị sinh học kiểm soát tiệt trùng EO   | <p>Ống nhựa chứa ống thủy tinh chất môi trường. Dải bảo tử Bacillus Atrophaeus. Cho kết quả đọc trong 4 giờ</p>                                                                                                                                                                                                                  | 2.150 | Ống |
| 50. | Chỉ thép khâu xương ức số 5, kim tròn      | <p>Kim sắc bén, kim tròn dài 48mm, cong 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ chắc chắn, bằng thép không gỉ dài 45cm.</p>                                                                                                                                                                                                                       | 72    | Tép |

✓

|     |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |       |     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|
| 51. | Cannula tĩnh mạch dùng cho ECMO 1 nòng các cỡ                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể được chèn qua da hoặc qua vết cắt phẫu thuật. Cannula tĩnh mạch có nhiều kích thước và độ dài để đáp ứng cho việc đặt cannula ngoại vi</li> <li>- Thân cannula được làm bằng chất liệu Polyurethane tương thích sinh học.</li> <li>- Thân cannula được gia cố bằng một dây wire cho thành ống mỏng nhất và lưu lượng cao nhất</li> <li>- Nhiều kích thước khác nhau dùng đáp ứng cho các bệnh nhân.</li> <li>- Kích thước đường kính ngoài từ 19Fr đến 25Fr.</li> <li>- Kích thước chiều dài cannule tĩnh mạch là 38cm và 55cm</li> <li>- Cannula tĩnh mạch có các cặp lỗ xen kẽ ở trên cannula</li> <li>- Thân ống được làm cứng chọn lọc, ngăn ngừa cannula bị xoắn sau khi chèn.</li> <li>- Cannula có thể được chèn qua da qua một dây dẫn 0.038 inch</li> </ul> | 21    | Cái |
| 52. | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4, kim tròn 1/2 vòng tròn. Thời gian tiêu khoảng 60 ngày. | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 20mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau $\geq 28$ ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: $\geq 60$ ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1.656 | Tép |
| 53. | Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactin 910 số 4.0 kim tam giác ngược                                     | Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu tam giác bằng Thép Hợp Kim loại Alloy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2.796 | Tép |



|     |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |     |
|-----|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
|     |                                                                  | Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 16mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương : 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày.                                                                                                                                                                                                                                                                        |     |     |
| 54. | Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactin 910 số 5.0 kim tam giác ngược | Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 5/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược, Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 11mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương : $\geq 50\%$ sau 5 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn $\geq 40$ ngày.                                                                                        | 354 | Tép |
| 55. | Dụng cụ thả dù PDA (Delivery system PDA)                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Với ống đẩy gồm đầu tip cản quang, van plastic, cáp chuyển tải và dụng cụ tải, van cầm máu áp suất cao với khớp nối xoay.</li> <li>- Chống giập gãy trong những giải phẫu sinh lý phức tạp.</li> <li>- Với thiết kế mới nhỏ nhất để thích ứng với dụng cụ tương ứng, ít xâm lấn và hiệu quả điều trị cao nhất.</li> <li>- Kích cỡ tối thiểu có các size: 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, 9F.</li> </ul> | 123 | Bộ  |
| 56. | Đầu dùng cắt amydan                                              | Thăng có thể uốn cong, làm việc chiều dài là 6 inch (chưa có phần tay cầm), Cầu tạo có 3 điện kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận thu hút - Có 4 chức năng: cắt, cầm ghim, ghim nước và thu hút                                                                                                                                                                                                                                | 268 | Cái |
| 57. | Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng phủ titanium 1 núm          | Dù đóng thông liên thất với công nghệ đan bện không có núm đầu xa, giảm thiểu vật liệu và được thiết kế một đĩa, một thân, mang thân rộng để bám an toàn. Tương thích với hệ thống thả dù delivery systems nhỏ. Dễ dàng định vị và thu dù lại. Miếng PET cho phép quá trình đóng kín và nội                                                                                                                                          | 23  | Cái |

|     |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |        |     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----|
|     |                                                                                                                       | mạch hóa nhanh. Kèm cáp thả dù được chỉ thị màu tương ứng kích cỡ dù. Kích cỡ phổ biến ở các size 4,6,8,10,12.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |        |     |
| 58. | Dù đóng ống động mạch thân ngắn (PDA)                                                                                 | Dù đóng ống động mạch có profile phần động mạch chủ nhỏ, không có núm đầu xa. Dù được phổ biến ở hai loại thân chuẩn và thân dài. Khả năng đóng kín hoàn toàn trong 30 ngày. Với cấu trúc đan bện đặc biệt làm tăng khả năng linh hoạt và thích ứng tốt. Kèm cáp thả dù. Kích cỡ phổ biến ở các size 5,6,7,8,10,12,15,18.                                                                                                                                                                                                                                                          | 62     | Cái |
| 59. | Dây nối bơm tiêm 75cm, 0.1ml                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn.</li> <li>- Đường kính trong: 0.9 mm.</li> <li>- Đường kính ngoài: 1.9mm</li> <li>- Thể tích mỗi dịch 0.6 ml</li> <li>- Tốc độ 0,9ml/m : áp lực 2 bar</li> <li>- Đầu nối Luer Lock, có khóa dừng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 85.581 | Cái |
| 60. | Chỉ điện cực đa sợi 2/0 dài 60cm, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác 26mm, 1/2 vòng tròn, 1 kim thẳng đầu tam giác 90mm | <p>Kim sắc bén, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác 26mm, 1/2 vòng tròn, 1 kim thẳng đầu tam giác 90mm.</p> <p>Sợi chỉ chắc chắn, dài 60cm. Không gây kích ứng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 708    | Tép |
| 61. | Guiding can thiệp                                                                                                     | <p>Ống thông can thiệp mạch máu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bện (viên) – thép không rỉ, tăng khả năng chống gập gãy, giảm chấn thương và có độ torque 1:1</li> <li>- Lớp vỏ lót trong – PTFE (polytetrafluoroethylene)</li> <li>- Lớp phủ ngoài – polymer phù hợp với nhiệt độ cơ thể.</li> <li>- Kích thước 5F; 6F; 7F; 8F.</li> </ul> <p>Đường kính trong 0.057" (1.4mm) loại 5F; 0.070" (1.8mm) loại 6F; 0.078" (2.0mm) loại 7F; 0.088" (2.2mm) loại 8F</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter được thiết kế có hoặc không có lỗ bên</li> </ul> | 350    | Cái |

✓

|     |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |       |       |
|-----|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|
| 62. | Giấy cuộn Tyvek 200 mm x 70 m             | <p>Cuộn giấy đựng dụng cụ tiệt khuẩn bằng máy Sterrad, được thiết kế giúp duy trì tính vô khuẩn của dụng cụ sau khi tiệt khuẩn (lên đến 12 tháng):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek, giúp H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ.</li> <li>- Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> không thẩm thấu vào bằng mặt này</li> <li>- Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad</li> <li>- Được chứng nhận tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp</li> <li>- Rộng : 200 mm, dài : 70 m.</li> </ul> | 21    | Cuộn  |
| 63. | Gạc dẫn lưu ruột thừa (2cm x 20cm x 6L)   | Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1. Tiệt trùng và đóng gói từng cái                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 71    | Miếng |
| 64. | Giấy in điện tâm đồ 3 căn 63mmx30m        | Chất liệu giấy tốt, không bị phai màu, vạch kẻ ô rõ ràng, phân chia khoảng cách chính xác. Kích cỡ: 63mm x 30m. Tương thích với máy đo điện tim tại Bệnh viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 35    | Cuộn  |
| 65. | Gạc lưới có Ag/ Silver 10cmx12cm          | Gạc lưới Polyester, Hydrocolloid, Có ion bạc, hàm lượng bạc sulfat: 0.50 +/- 0.12 mg/cm <sup>2</sup> (0.38 - 0.62 mg/cm <sup>2</sup> ) co dẫn tốt, thay băng không đau .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 57    | Miếng |
| 66. | Gòn mắt 4cmx5cm                           | Khả năng thấm hút cao và nhanh.<br>Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da.<br>Thân thiện môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 500   | Miếng |
| 67. | Gạc phẫu thuật 10cmx10cmx12 lớp, vô trùng | Khả năng thấm hút cao và nhanh.<br>Mịn màng, mềm mại, không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3.236 | Miếng |

|     |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |        |       |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------|
|     |                                                              | gây kích ứng da.<br>Vô trùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |        |       |
| 68. | Gạc phẫu thuật<br>10cmx10cmx16 lớp,<br>vô trùng có cản quang | Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1. Tiệt trùng và đóng gói từng cái có cản quang.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2.960  | Miếng |
| 69. | Găng tay phẫu thuật số 7.5                                   | Không bị rách khi mang<br>- Bao bì khi mở phải đảm bảo vô trùng.<br>- Đúng kích thước, khít tay. Cùng chiều tay, không bị sai.<br>- Găng được chế tạo từ hỗn hợp cao su thiên nhiên hoặc cao su nitril hoặc latex cao su polycloropen, hoặc poly (vinyl clorua) dẻo hóa.<br>- Găng có thể phủ bất kỳ chất xử lý bề mặt, bôi trơn, bột hoặc polyme phù hợp                                                                                                                  | 79.164 | Đôi   |
| 70. | Kim chọc hút tủy xương                                       | Kim chọc tủy xương 14G/16G/18G..., dùng 1 lần cho trẻ em, kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim cannula được mài sắc kiểu 3 cạnh giúp chọc tủy dễ dàng và giảm chấn thương, có hai lỗ bên thân kim nâng cao hiệu quả chọc hút tủy xương, thiết kế đầu nổi luer chuẩn phù hợp lắp với mọi loại xy lanh, chiều dài kim trung bình 28mm hoặc 43mm, có nút điều chỉnh độ sâu từ 8- 45 mm hoặc từ 23-60 mm, có đánh số trên thân kim để kiểm soát mức độ đâm sâu tính từ đầu kim. | 1.563  | Bộ    |
| 71. | Keo dán phẫu thuật ngăn ngừa chảy máu hậu phẫu và chống dính | Keo dán phẫu thuật bao gồm 2 polyethylene glycol tổng hợp (PEGs), sau khi hòa trộn polymer hóa thành hydrogel bám dính với các mô và vật liệu cấy ghép tổng hợp, giúp bịt kín lỗ hở chân chỉ khâu, ngăn ngừa                                                                                                                                                                                                                                                               | 135    | Bộ    |

|     |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |        |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------|
| 72. | Khí NO                                                                                    | Khí NO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5      | Chai |
| 73. | Mask khí dung trẻ em                                                                      | Nhựa y tế mềm, vô trùng, đóng gói từng cái.<br>Liều lượng cố định (dùng với venturiers)- Không sắc nhọn, vô trùng- Có bầu chứa thuốc- Có dây oxy dài 1.8 m -2.1 m- Nhựa y tế, không chứa DEHP                                                                                                                                       | 4.000  | Cái  |
| 74. | Mặt nạ thở ( Mask gây mê)                                                                 | Vô trùng, đóng gói từng cái, chất liệu PVC, móc cài 4 châu HDPE mã hóa màu theo size, van silicone<br>Có nối tương thích theo các size người lớn, trẻ em, sơ sinh (15M -22F)<br>Đầy đủ size cỡ người lớn , trẻ em, sơ sinh tương ứng các số 0, 1,2,3,4,5                                                                            | 800    | Cái  |
| 75. | Nhiệt kế đo trán                                                                          | - Nhiệt kế hồng ngoại kiểm tra nhiệt độ cơ thể vùng trán, cho kết quả chính xác trong 1s.<br>- Đo không chạm, nhanh, an toàn và chính xác, thích hợp sử dụng tại gia đình, bệnh viện, phòng khám, ....                                                                                                                              | 270    | Cái  |
| 76. | Ống bơm tiêm cân quang tiết khuẩn, 2 nòng 200 ml dùng tương thích cho máy Medrad Stallant | Ống bơm thuốc cân quang 2 nòng/200ml dùng tương thích cho máy Medrad Stellant.<br>Chịu áp lực cao 400psi, luer lock.<br>Nạp thuốc bằng ống hút nhanh.<br>Chất liệu Polyethylene Terephthalate an toàn, không DEHP<br>Bộ đóng gói gồm 2 bơm tiêm đường kính trong 4,75cm, 1 ống hút, 1 dây nối chữ T chống xoắn dài 150cm, luer lock | 540    | Bộ   |
| 77. | Ống chích 50ml đầu nhỏ                                                                    | Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip).<br>Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng (1.0cc). Đệm pitong gioăng kép giúp kín khí, sử dụng chất liệu đàn hồi chịu nhiệt tốt                                                                                               | 42.216 | Cái  |

✓

|     |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |        |     |
|-----|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----|
|     |                            | không Latex giảm nguy cơ rò rỉ hoặc tương tác với thuốc. Sử dụng được với máy bơm tiêm điện.<br>- Sản phẩm không Latex & PVC. Không gây độc. Không sinh nhiệt/sốt. Đóng gói riêng lẻ từng cái trong bao bì nhựa. Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử.                                                |        |     |
| 78. | Ống hút đàm có kiểm số 8   | Ống thẳng mềm mại, không bị gập trong, có khóa kiểm soát Đầu xa tròn mềm mịn với 2 lỗ dẫn lưu so le nhau, Chiều dài tối thiểu $\geq 45\text{cm}$ . Có mã hóa màu co nổi theo size. Vô trùng EO, không latex, không DEHP                                                                             | 77.756 | Cái |
| 79. | Ống lấy máu EDTA 0.5 ml    | Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa $6 \pm 0.1\text{ml}$ , nắp cao su bọc nhựa màu xanh dương. Hóa chất bên trong là EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate) kháng đông cho 1ml máu.                                                               | 1.200  | Ống |
| 80. | Ống mở đường thở nhựa số 0 | Ống mở đường thở nhựa số 0 - Chất liệu nhựa dẻo tốt- Có độ cong tự nhiên theo cổ họng- Trơn láng không gây tổn thương và được mã hóa màu- Có đường thông khí ở trung tâm cũng như các rãnh 2 bên- Đầu hình tròn mịn giúp giảm thương tổn cho họng- Bề mặt bằng phẳng tạo sự thoải mái cho bệnh nhân | 1.250  | Cái |
| 81. | Ống mở đường thở nhựa số 2 | Ống mở đường thở nhựa số 2 - Chất liệu nhựa dẻo tốt- Có độ cong tự nhiên theo cổ họng- Trơn láng không gây tổn thương và được mã hóa màu- Có đường thông khí ở trung tâm cũng như các rãnh 2 bên- Đầu hình tròn mịn giúp giảm thương tổn cho họng- Bề mặt bằng phẳng tạo sự thoải mái cho bệnh nhân | 470    | Cái |

|     |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |       |     |
|-----|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|
| 82. | Ống nội khí quản có bóng số 7,0 | <p>* Số 7.0 thông số trong khoảng (OD=9.3mm, L=310mm, đk bóng = 25mm <math>\pm</math> 15%)</p> <p>* PVC mềm, trong suốt, có cản quang, có vạch đánh dấu rõ ràng, mỗi vạch cách nhau 1 hoặc 2 cm giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Co nối tiêu chuẩn 15 mm.</p> <p>* Ống nội khí quản không quá mềm hoặc quá dẻo, đầu ống không quá nhọn, tránh gây tổn thương niêm mạc. Bóng chèn trơn, mềm mại, kích thước vừa phải. Đầu racor phải dính chặt vào thân ống.</p> <p>* Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, hoặc hình quả trám.</p> <p>* Đóng gói vô trùng từng cái</p>    | 105   | Cái |
| 83. | Ống nội khí quản có bóng số 7,5 | <p>* Số 7.5 thông số trong khoảng (OD 10mm, L 315mm, đk nghỉ bóng 25.mm <math>\pm</math> 15%)</p> <p>* PVC mềm, trong suốt, có cản quang, có vạch đánh dấu rõ ràng, mỗi vạch cách nhau 1 hoặc 2 cm giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Co nối tiêu chuẩn 15 mm.</p> <p>* Ống nội khí quản không quá mềm hoặc quá dẻo, đầu ống không quá nhọn, tránh gây tổn thương niêm mạc. Bóng chèn trơn, mềm mại, kích thước vừa phải. Đầu racor phải dính chặt vào thân ống.</p> <p>* Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, hoặc hình quả trám.</p> <p>* Đóng gói vô trùng từng cái</p> | 35    | Cái |
| 84. | Ống thông chẩn đoán catheter MP | <p>Ống thông chẩn đoán mạch vành đa chức năng Multi Purpose</p> <p>- Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, chống gãy gập tốt, thành ống mỏng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.133 | Cái |

✓

|     |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |       |     |
|-----|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|
|     |                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đường viền bên bằng thép không gỉ giúp thân ống thông giữ được hình dạng tốt, dễ lái.</li> <li>- Đầu tip cân quang tốt, khả năng nhớ hình tốt.</li> <li>- Làm bằng chất liệu có cân quang</li> <li>- Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên</li> <li>- Đủ các kích cỡ 4F, 5F, 6F dài 80cm, 100cm, 125cm</li> <li>- Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F, 0.054"/1.37mm loại 6F</li> <li>- Dùng được với guide wire 0.035"/0.038"</li> <li>- Chịu áp lực 1200 PSI</li> </ul> |       |     |
| 85. | Ống thông tiểu Foley 2 nhánh số 22 | <p>* Foley 2 nhánh trẻ em cao su thiên nhiên phủ silicon an toàn dễ đặt và ít tổn thương, van 1 chiều. Không DEHP, không pyrogenic Số 22FR (OD khoảng 7.2-7.4mm, tốc độ dòng khoảng 1180ml/phút). Chiều dài 405mm</p> <p>* Tiết diện lòng ống lớn giúp quá trình dẫn lưu nước tiểu nhanh chóng. Trục foley linh hoạt, được gia cố chống gãy gập, tắc nghẽn, đầu tip chắc khỏe đảm bảo hút nước tiểu hiệu quả, bóng khỏe, kháng áp lực neo giữ tốt ở cổ bàng quang</p> <p>* Đóng gói vô trùng</p>                                              | 822   | Cái |
| 86. | Ống thông tiểu Foley 2 nhánh số 24 | <p>* Foley 2 nhánh trẻ em cao su thiên nhiên phủ silicon an toàn dễ đặt và ít tổn thương, van 1 chiều. Không DEHP, không pyrogenic. Số 24FR (OD khoảng 7.9-8.2mm, tốc độ dòng khoảng 1233ml/phút). Chiều dài 405mm</p> <p>* Tiết diện lòng ống lớn giúp quá trình dẫn lưu nước tiểu nhanh chóng. Trục foley linh hoạt, được gia cố chống gãy</p>                                                                                                                                                                                              | 1.108 | Cái |

|     |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |     |     |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
|     |                                      | gập, tắc nghẽn, đầu tip chắc khỏe đảm bảo hút nước tiểu hiệu quả, bóng khỏe, kháng áp lực neo giữ tốt ở cổ bàng quang<br>* Đóng gói vô trùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |     |
| 87. | Ống thông tiểu foley 2 nhánh số 14   | * Foley 2 nhánh trẻ em cao su thiên nhiên phủ silicon an toàn dễ đặt và ít tổn thương, van 1 chiều. Không DEHP, không pyrogenic. 14FR (OD khoảng 4.6-4.8mm, tốc độ dòng khoảng 227ml/phút). Chiều dài 405mm<br>* Tiết diện lòng ống lớn giúp quá trình dẫn lưu nước tiểu nhanh chóng. Trục foley linh hoạt, được gia cố chống gãy gập, tắc nghẽn, đầu tip chắc khỏe đảm bảo hút nước tiểu hiệu quả, bóng khỏe, kháng áp lực neo giữ tốt ở cổ bàng quang<br>* Đóng gói vô trùng | 582 | Cái |
| 88. | Ống thông tiểu 1 nhánh Nelaton số 10 | Ống thông làm bằng vật liệu PVC mềm, tròn và đầu đóng nhạy nhiệt, Ống có thể phủ thêm silicon an toàn, ống thẳng, không gãy gập, mềm mại không gây tổn thương niêm mạc. Lỗ dẫn lưu so le. Có nối hình phễu kết nối kín với túi nước tiểu hoặc bình chứa. Chiều dài 40cm, Size 10Fr (OD/ID khoảng 3,35/2,00mm)                                                                                                                                                                  | 119 | Cái |
| 89. | Ống thông tiểu 1 nhánh Nelaton số 8  | Ống thông làm bằng vật liệu PVC mềm, tròn và đầu đóng nhạy nhiệt, Ống có thể phủ thêm silicon an toàn, ống thẳng, không gãy gập, mềm mại không gây tổn thương niêm mạc. Lỗ dẫn lưu so le. Có nối hình phễu kết nối kín với túi nước tiểu hoặc bình chứa. Chiều dài 40cm, Size 8Fr (OD/ID khoảng 2,65/1,50mm)                                                                                                                                                                   | 35  | Cái |

|     |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |        |       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------|
| 90. | Túi bơm máu (Bơm áp lực) 500ml                                                                     | *Bao đo áp lực kết cấu bền, thể tích 500ml, đồng hồ đo áp lực dễ quan sát, có thông số từ 0 mmHG, 175 mmHG và 300 mmHG. Có móc treo Pole Loop IV. Có van khóa stopcock                                                                                                                                                                                                                                          | 16     | Cái   |
| 91. | Tube eppendorf đựng huyết thanh 1.5ml                                                              | Dung tích: 1,5ml., Nhựa PP chính phẩm. Nắp bật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 57.250 | Cái   |
| 92. | Test thử áp suất lò hấp nhiệt độ cao                                                               | Kích thước: (1,9 x 5) cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 18.668 | Miếng |
| 93. | Test thử nhiệt độ hấp khô EO                                                                       | Chỉ thị hóa học dành cho quy trình tiệt khuẩn nhiệt độ thấp Ethylene Oxide<br>- Kích thước: 1.5 x 20cm (+/- 5%)<br>- Kết quả sau tiệt khuẩn: chỉ thị hóa học cho kết quả rõ, đồng nhất (Vạch màu thay đổi từ màu đỏ sang màu xanh sau khi qua tiệt khuẩn.)                                                                                                                                                      | 6.480  | Test  |
| 94. | Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên                                                              | Dây dẫn ái nước lõi Scitanium, đầu tunsteng. Đường kính: 0.014" và 0.018". Độ dài: 135, 165, 190cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 345    | Cái   |
| 95. | Vi ống thông kích cỡ nhỏ                                                                           | Vi ống thông can thiệp mạch máu kích cỡ 2.4F-2.8F-2.9F (Có 3 loại đầu tip: thẳng, cong 45 độ, cong cổ thiên nga )                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 95     | Cái   |
| 96. | Bàn chải tiệt trùng                                                                                | Bàn chải dùng trong phẫu thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 72     | Cái   |
| 97. | Bộ dẫn lưu dịch não tủy ngoài kèm catheter dẫn lưu não thất ( thuộc Bộ dẫn lưu dịch não tủy trong) | Hệ thống hút dịch não bên ngoài, gồm: - dây dẫn 170-200cm, Van chống trào ngược và khóa 4 chiều điều chỉnh dòng chảy. Túi chứa dịch 700 ml, có tích hợp thang đo cmH2O và mmHg hỗ trợ theo dõi và kiểm soát áp lực nội sọ.<br>- Có Vent lọc khí kháng khuẩn.<br>- Túi chứa dịch có vạch đo được lượng dịch chảy. - Kèm catheter não thất dài 20-35cm, trocar 15cm, đường kính trong 1.3-1.6mm, đường kính ngoài | 27     | Bộ    |

|      |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |        |      |
|------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------|
|      |                                        | 2.5-3.0mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |        |      |
| 98.  | Buồng hít định liều                    | Buồng hít được làm bằng chất liệu chống tĩnh điện, đảm bảo được lượng khí dung phù hợp, giảm thiểu thất thoát thuốc trong quá trình điều trị với thuốc dạng xịt hít                                                                                                                                                              | 300    | Cái  |
| 99.  | Bộ lọc cô đặc máu dùng cho trẻ em      | Bộ lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho trẻ em<br>+ Màng lọc chất liệu Polyethersulfone<br>+ Tốc độ lọc khoảng 16ml/h/mmHg<br>+ Diện tích màng lọc 0.3m <sup>2</sup><br>+ Thể tích dịch mỗi 32ml<br>+ Áp suất xuyên màng ≤ 40mmHg<br>+ Áp suất xuyên màng tối đa ≤ 600mmHg<br>+ Dây dẫn chất liệu nhựa<br>+ Tiệt khuẩn | 55     | Bộ   |
| 100. | Băng nỉ bó bột gãy xương 3 ins         | Độ co giãn cao.<br>Mềm mại, độ bền cao, thoáng mát, không gây kích ứng cho người sử dụng.                                                                                                                                                                                                                                        | 9      | Cuộn |
| 101. | Bộ trao đổi huyết tương TPE 1000       | Bộ quả lọc thay huyết tương dùng cho trẻ em có cân nặng ≥ 9 kg                                                                                                                                                                                                                                                                   | 18     | Bộ   |
| 102. | Catheter hút máu động mạch các số      | Catheter hút máu động mạch các số                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 72     | Cái  |
| 103. | Catheter tĩnh mạch ngoại biên, 42cm    | Catheter tĩnh mạch ngoại biên, 42cm                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 27     | Bộ   |
| 104. | Đầu cone xanh                          | Đầu cone xanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 90.000 | Cái  |
| 105. | Đầu đo SPO2 kẹp cho máy Nellcor, Nihon | Đầu đo SPO2 kẹp cho máy Nellcor, Nihon                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 180    | Cái  |
| 106. | Dây nối oxy                            | Được làm từ nhựa y tế PVC, dài 2m, không mềm quá, không gây gập, kết hợp được với dây thở oxy và bộ phun khí dung                                                                                                                                                                                                                | 1.080  | Sợi  |

2

|      |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |       |
|------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|
| 107. | Dây penrose                                 | Dây penrose                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 720     | Sợi   |
| 108. | Dây truyền dịch chính xác 60 giọt không bầu | Chiều dài dây 180cm<br>- Đường kính trong dây: 3 mm.<br>đường kính ngoài 4.1 mm<br>- Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm<br>- Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí<br>- Đầu khóa vận xoắn Luer Lock<br>- Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn                                                                                      | 6.300   | Sợi   |
| 109. | Gel dùng cho máy ECMO                       | Gel dùng cho máy ECMO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2       | Chai  |
| 110. | Khẩu trang 3 lớp dây thun                   | Khẩu trang y tế 3 lớp, thun đeo tai. Độ lọc BFE 99%. 50 cái/gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 432.000 | Cái   |
| 111. | Lamell 22x22                                | - Kích thước: 22 x 22 mm<br>- Được làm từ thủy tinh tốt nhất<br>- Chất lượng đồng nhất, không bị bọt bóng khi dán                                                                                                                                                                                                                                                  | 40.500  | Cái   |
| 112. | Lame kính                                   | Phần kính trong suốt, không nấm mốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 64.800  | Cái   |
| 113. | Lame kính mờ                                | Phần kính trong suốt<br>Phần mờ có độ nhám cao, ghi chữ ko bị trôi                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 24.300  | Cái   |
| 114. | Băng keo có gạc VT 6x8cm                    | Vải nền đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) màu nâu, co giãn, thông thoáng. Băng 6cm x 7cm (hoặc 8cm), 4 góc bo tròn tránh bung mép. Trên lớp giấy bảo vệ có thêm 2 miếng băng dán giúp cố định chắc dây truyền, ống truyền. Gạc 1.5cm x 2.5cm thấm hút dịch, cố định, che chắn chỗ kim lườn. Phủ keo Acrylic an toàn cho mọi loại da. Tiết trùng từng miếng. | 4.500   | Miếng |
| 115. | Bình khí gas EO                             | Bình khí Gas dùng cho máy SteriVac<br>- Thành phần: 100% Ethylene Oxide (EO)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2.592   | Chai  |

|      |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |        |       |
|------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------|
|      |                                                                     | - Trọng lượng: 100g<br>- Tương thích với dòng máy<br>tiệt khuẩn nhiệt độ thấp<br>SteriVac                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |        |       |
| 116. | Ống nghiệm<br>Polystyrens tương<br>thích với máy Vitek 2<br>Compact | Ống nghiệm Polystyrens tương<br>thích với máy Vitek 2<br>Compact                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 18.000 | Ống   |
| 117. | Ống nghe ngoại                                                      | Ống nghe dùng trong y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 117    | Cái   |
| 118. | Sonde JJ các size                                                   | Chất liệu nhựa PUR, đầu hình<br>J, thân màu trắng, dài 12 - 15<br>cm, có vạch chia chiều dài                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 90     | Cái   |
| 119. | Sonde JJ có dây dẫn<br>các size                                     | Chất liệu nhựa PUR, đầu hình<br>J, thân màu trắng, dài 12 - 15<br>cm, có vạch chia chiều dài.<br>Kèm dây dẫn                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 235    | Cái   |
| 120. | Vật liệu cầm máu<br>dạng lưới 10x20cm                               | Chất liệu Polyvinylal Alcohol<br>tương thích sinh học, xốp (bọt<br>biển) Đóng gói dạng nén và vô<br>trùng có thể nở rộng tối đa<br>trong khoảng 9 giây. Mềm<br>mại, thoải mái và phù hợp sử<br>dụng.<br>Kích thước lỗ siêu nhỏ giúp<br>thu nhỏ mô, dễ dàng cắt bằng<br>kéo hoặc bằng tay.<br>Có khả năng hấp thụ 25 lần<br>trọng lượng của chính nó. Khả<br>năng nở rộng dưới áp lực niêm<br>mạc. | 540    | Miếng |
| 121. | Tấm Điện cực Rem<br>trung tính trẻ lớn                              | - Điện cực trung tính dạng đôi,<br>dùng cho trẻ lớn.<br>- Thiết kế hình chữ nhật, có<br>dạng chia đôi, được bo tròn<br>dẫn đến giảm sự tập trung điện<br>tích nên giảm nguy cơ gây<br>bỏng.                                                                                                                                                                                                       | 3.150  | Cái   |
| 122. | Tấm Điện cực Rem<br>trung tính trẻ em                               | - Điện cực trung tính dạng đôi,<br>dùng cho trẻ em.<br>- Thiết kế hình chữ nhật, có<br>dạng chia đôi, được bo tròn<br>dẫn đến giảm sự tập trung điện<br>tích nên giảm nguy cơ gây<br>bỏng.                                                                                                                                                                                                        | 225    | Cái   |

✓

|      |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |     |
|------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
| 123. | Ống thông phổi có trocar 10F               | <p>Đầu nối chắc chắn, nòng sắt không dài quá phần ống nhựa gây tổn thương niêm mạc.</p> <p>* Ống thông phổi kèm nòng sắt (Trocac) giúp dễ chọc và có co nối đi kèm</p> <p>* Nguyên liệu PVC y tế cao cấp mềm chống xoắn, không Latex</p> <p>* Có 2 lỗ thoát dịch dẫn lưu hiệu quả.</p> <p>* Có vạch đánh dấu, cân quang và các vạch chia tại 5, 10, 15. 20 cm từ lỗ cuối giúp xác định độ sâu của ống.</p> <p>* Tay cầm phẳng dễ xử lí.</p> <p>* Kích cỡ: 8F-36F</p> | 90  | Cái |
| 124. | Ống thông phổi có trocar 8F                | <p>Đầu nối chắc chắn, nòng sắt không dài quá phần ống nhựa gây tổn thương niêm mạc.</p> <p>* Ống thông phổi kèm nòng sắt (Trocac) giúp dễ chọc và có co nối đi kèm</p> <p>* Nguyên liệu PVC y tế cao cấp mềm chống xoắn, không Latex</p> <p>* Có 2 lỗ thoát dịch dẫn lưu hiệu quả.</p> <p>* Có vạch đánh dấu, cân quang và các vạch chia tại 5, 10, 15. 20 cm từ lỗ cuối giúp xác định độ sâu của ống.</p> <p>* Tay cầm phẳng dễ xử lí.</p> <p>* Kích cỡ: 8F-36F</p> | 45  | Cái |
| 125. | Vòng xoắn đóng cùn ống động mạch coild PDA | <p>- Chất liệu bằng nitinol có khả năng trở về hình dạng như đã định hình phù hợp để đóng ống động mạch.</p> <p>- Được thiết kế cho các ống động mạch kích cỡ nhỏ đến trung bình.</p> <p>- Có hệ thống catheter và dây dẫn để đưa coil vào và thả coil. Coil được giữ chặt ở dây dẫn cho đến khi tháo (detachable coil).</p> <p>- Đủ các kích cỡ từ 5/4 đến 11/6 mm</p> <p>- Hạn sử dụng từ 6 tháng – 3 năm</p>                                                      | 180 | Bộ  |

|      |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |       |      |
|------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------|
| 126. | Bộ lọc khí thở vào<br>dùng cho máy thở | Bộ lọc khí thở vào dùng cho<br>máy thở tương thích với các<br>dòng máy thở hiện có tại bệnh<br>viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 72    | Bộ   |
| 127. | Ống nội khí quản có<br>bóng số 4.0     | * Ống nội khí quản làm bằng<br>PVC y tế tương thích sinh học,<br>nhạy nhiệt.<br>* Ống trong suốt có đường cản<br>quang màu xanh, có vạch đánh<br>dấu rõ ràng giúp dễ dàng xác<br>định vị trí khi chèn. Co nổi tiêu<br>chuẩn 15cm<br>* Bóng thể tích lớn áp lực thấp<br>hình taper thon dần về mũi, in<br>các thông tin kích thước trên<br>ống, đk nghi bóng lớn<br>* Đầu tip mềm mịn, có lỗ<br>murphy nhấn an toàn, mối hàn<br>nhấn không gây tổn thương khi<br>chèn | 2.250 | Ống  |
| 128. | Ống nội khí quản<br>không bóng số 4.0  | - Vạch đánh dấu chiều dài ống<br>phải được đánh dấu liên tục, rõ<br>ràng<br>- Đầu racor phải dính chặt vào<br>thân ống,<br>- Đầu ống không quá nhọn,<br>tránh gây tổn thương niêm mạc                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1.800 | Ống  |
| 129. | Bộ dây thở NCPAP                       | Bao gồm: 3 đoạn dây silicone,<br>co nổi van benvenist và bẫy<br>nước và các đầu nối dây.<br>- Hấp autoclave (lên đến 134<br>độC), Cidex hoặc thanh trùng<br>cho hơn 50 lần tái sử dụng<br>- Thành trong trơn giúp giảm<br>sự ngưng tụ nước bên trong<br>ống và giảm nén thể tích khí                                                                                                                                                                                 | 27    | Bộ   |
| 130. | Bình làm ấm của hệ<br>thống NCPAP      | Thể tích dự trữ nước: 400<br>ml. Không cần tháo bình làm<br>ấm để châm nước, nắp bình<br>trên dễ dàng tháo lắp. Cổng<br>châm nước: 4.3 mm I.D                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 33    | Cái  |
| 131. | Nồi làm ấm cho hệ<br>thống thở NCPAP   | Nồi làm ấm cho hệ thống thở<br>NCPAP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 36    | Cái  |
| 132. | Băng kéo xương số 6                    | Băng thun co giãn giúp cử<br>động không bị hạn chế<br>Chất keo ít gây kích ứng, hạn<br>chế nguy cơ phản ứng da, thích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 612   | Cuộn |

|      |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |        |     |
|------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----|
|      |                                    | hợp cho da nhạy cảm<br>Băng thông thoáng và tránh<br>làm hăm da<br>Giấy lót bảo vệ giúp dễ thao<br>tác<br>Dính tốt và giúp kèm giữ chắc<br>chắn                                                                                                                                                                                                                  |        |     |
| 133. | Điện cực tim trẻ em                | Điện cực bám dính chắc chắn, không dây kích ứng da, kích thước phù hợp với trẻ nhỏ                                                                                                                                                                                                                                                                               | 54.900 | Cái |
| 134. | Đai Desault                        | Sản phẩm làm từ vải cotton, vải không dệt giúp cố định và ổn định khớp vai.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 36     | Cái |
| 135. | Dù đóng ống động mạch thân dài     | * Không bị xói mòn tại môi trường cấy ghép trong cơ thể.<br>* Thiết kế chân rộng thân dù dài phù hợp với các hình thái học của Ống động mạch<br>* Có cáp nối dùng để thả dù PDA đi kèm.<br>* Công Nghệ đan bện không có núm nổi nhô ra phần ngoài Động mạch chủ.<br>* Tính linh hoạt và khả năng đáp ứng với các hình thái học của ống động mạch.<br>* Đủ các cỡ | 17     | Cái |
| 136. | Đinh nội tủy 3.0/500 mm            | Đinh nội tủy dẻo sử dụng cho nhi, đường kính 3,0mm chiều dài 500mm, bằng thép không gỉ                                                                                                                                                                                                                                                                           | 45     | Cái |
| 137. | Đinh nội tủy 3.5/500 mm            | Đinh nội tủy dẻo sử dụng cho nhi, đường kính 3,5mm chiều dài 500mm, bằng thép không gỉ                                                                                                                                                                                                                                                                           | 54     | Cái |
| 138. | Đinh nội tủy 2,5 x 500 mm          | Đinh nội tủy dẻo sử dụng cho nhi, đường kính 2,5mm chiều dài 500mm, bằng thép không gỉ                                                                                                                                                                                                                                                                           | 18     | Cái |
| 139. | Đầu tip 1000uL không có filter lọc | - Đầu côn 1000 ul không có lọc, dùng một lần<br>- Đóng gói 960 cái/hộp                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9.216  | Cái |
| 140. | Đầu tip 200uL không có filter lọc  | - Đầu côn 200 ul không có lọc, dùng một lần<br>- Đóng gói 960 cái/hộp                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9.216  | Cái |
| 141. | Đai xương đòn                      | - Sản phẩm hỗ trợ cố định xương đòn. Hình dáng được thiết kế giống số 8 với phần                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 54     | Cái |

|      |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |       |
|------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|
|      |                                                     | tiếp xúc xương đòn lớn, nhỏ<br>dẫn khí qua nách bệnh nhân.<br>- Chất liệu vải cotton, nút xốp<br>có tính đàn hồi cao để điều<br>chỉnh,                                                                                                                                    |         |       |
| 142. | Giá đỡ động mạch<br>thận (không phủ<br>thuốc)       | Giá đỡ mang bóng chế tạo<br>chuyên biệt dùng trong can<br>thiệp mạch thận.<br>- Cấu trúc đồng bộ gồm mắt<br>lưới Micro & Macro.<br>- Có thể sử dụng với guide<br>wire 0.014" và 0.018"<br>- Đường kính giá đỡ từ: 4mm<br>đến 10 mm. Chiều dài bóng<br>nong: 16 đến 20 mm. | 90      | Cái   |
| 143. | Gạc phẫu thuật không<br>dệt 10 x 10 x 6 lớp,<br>KVT | Được làm từ vải không dệt. Cỡ<br>10 x 10 x 6 lớp, không vô<br>trùng<br>Khả năng thấm hút cao và<br>nhẹ.<br>Bề mặt mịn màng, mềm mại,<br>không bị xơ                                                                                                                       | 56.700  | Miếng |
| 144. | Gạc phẫu thuật không<br>dệt 10 x 10 x 6 lớp,<br>VT  | Được làm từ vải không dệt. Cỡ<br>10 x 10 x 6 lớp, vô trùng<br>Khả năng thấm hút cao và<br>nhẹ.<br>Bề mặt mịn màng, mềm mại,<br>không bị xơ                                                                                                                                | 28.800  | Miếng |
| 145. | Kim chọc dò tủy sống<br>22G hoặc tương<br>đương     | Đầu kim sắc bén, kích thước<br>22G                                                                                                                                                                                                                                        | 4.500   | Cây   |
| 146. | Nút đẩy (dây nối) kim<br>luồn                       | - Có cổng chích thuốc không<br>chứa latex<br>- Đầu nối Luer Lock<br>- Thể tích mỗi dịch 0.16ml                                                                                                                                                                            | 180.000 | Cái   |
| 147. | Nẹp vải căng chân                                   | - Sản phẩm làm từ vải dệt kim,<br>nẹp hợp kim nhôm.<br>- Cố định gãy xương, trật khớp<br>vùng căng chân sau chấn<br>thương hoặc sau phẫu thuật.                                                                                                                           | 36      | Cái   |
| 148. | Ống nghiệm citrate<br>1ml                           | Kháng đông tốt, nắp xanh lá<br>Nhựa dùng cho y tế, trong<br>sáng, dễ quan sát<br>Độ PH trung tính                                                                                                                                                                         | 86.400  | Tube  |
| 149. | Phôi nhân tạo cho trẻ<br>10-15kg                    | Phôi nhân tạo phủ lớp tương<br>thích sinh học dành cho bệnh<br>nhân từ 8-20kg<br>1. Thể tích dịch mỗi: khoảng                                                                                                                                                             | 72      | Bộ    |

|      |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |       |      |
|------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------|
|      |                                                         | 87ml<br>2. Diện tích màng lọc: khoảng 0.61m <sup>2</sup><br>3. Lưu lượng máu tối đa: 2500ml/phút<br>4. Diện tích phần trao đổi nhiệt: khoảng 0.06m <sup>2</sup><br>5. Thể tích bình chứa: 1500ml                                                                                                                                                                                                                                      |       |      |
| 150. | Phổi nhân tạo cho trẻ 2-5kg                             | Phổi nhân tạo phủ lớp tương thích sinh học dành cho bệnh nhân dưới 6kg<br>1. Thể tích dịch môi: khoảng 31ml<br>2. Diện tích màng lọc: khoảng 0.22m <sup>2</sup><br>3. Lưu lượng máu tối đa: 700ml/phút<br>4. Diện tích phần trao đổi nhiệt: khoảng 0.03m <sup>2</sup><br>5. Thể tích bình chứa: 500ml                                                                                                                                 | 90    | Bộ   |
| 151. | Trocar thoracic số 22F ( Ống thông phổi có trocar)      | Đầu nối chắc chắn, nòng sắt không dài quá phần ống nhựa gây tổn thương niêm mạc.<br>* Ống thông phổi kèm nòng sắt (Trocar) giúp dễ chọc và có co nối đi kèm<br>* Nguyên liệu PVC y tế cao cấp mềm chống xoắn, không Latex<br>* Có 2 lỗ thoát dịch dẫn lưu hiệu quả.<br>* Có vạch đánh dấu, cân quang và các vạch chia tại 5, 10, 15. 20 cm từ lỗ cuối giúp xác định độ sâu của ống.<br>* Tay cầm phẳng để xử lý.<br>* Kích cỡ: 8F-36F | 27    | Cái  |
| 152. | Test thử lò hấp                                         | Test thử cho kết quả chính xác, độ nhạy cao dùng cho các mẻ hấp hơi nước nhiệt độ cao (134 độ C)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1.125 | Tờ   |
| 153. | Bộ bảo dưỡng kit PM-2 máy Sterrad 100S hoặc tương đương | Bộ bảo dưỡng kit PM-2 máy Sterrad 100S hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3     | Bộ   |
| 154. | Bình chất làm lạnh máy laser                            | Chất làm lạnh: tên hóa học: 1,1,1,2 tetrafluoroethane. Đóng trong chai khí nén 1000g. Chất làm lạnh theo hoạt động của                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 45    | Bình |

|      |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |     |     |
|------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
|      |                                                  | máy sẽ gây tê da trước khi phát xung laser, giảm đau trong quá trình điều trị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |     |
| 155. | Bộ catheter 2 nòng 4Fr dài 30cm                  | *Catheter TMTW 2 đường trẻ em 4Fr, dài 30cm<br>* Catheter tương thích sinh học có cản quang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 45  | Cái |
| 156. | Băng đựng hóa chất Sterrat 100S hoặc tương đương | - Băng đựng hóa chất H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100S<br>- Mỗi băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 1,8ml H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> 58%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 126 | Cái |
| 157. | Bóng đèn Heine 6V hoặc tương đương               | Bóng đèn 6V dùng cho tay cầm đèn đặt nội khí quản Heine hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 18  | Cái |
| 158. | Bóng đèn Heine 2.5V hoặc tương đương             | Bóng đèn 2.5V dùng cho tay cầm đèn đặt nội khí quản Heine hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 18  | Cái |
| 159. | Bóng đèn Heine 3.5V hoặc tương đương             | Bóng đèn 3.5V dùng cho tay cầm đèn đặt nội khí quản Heine hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 18  | Cái |
| 160. | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài     | Hệ thống hút dịch não bên ngoài, vật liệu Polyme; hệ thống gồm dây dẫn 35 cm, Van điều chỉnh dòng chảy, túi chứa dịch 700 ml, cột theo dõi áp xuất dòng chảy, trocar 15cm, catheter não thất dài 35cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.8mm, kích thước lỗ 1.1mm.<br>- Bộ phận Hydrophobic Vent đặc biệt chống chảy ngược, rỉ dịch dẫn<br>- Thang đo áp lực dòng chảy đảm bảo cho dịch chảy đúng áp xuất yêu cầu, hỗ trợ việc theo dõi áp xuất não.<br>- Túi chứa dịch có vạch đo được lượng dịch chảy, Túi có thể tháo rời. | 27  | Bộ  |
| 161. | Bẫy nước (loại đặc biệt)                         | Chất liệu PSF hoặc tương đương, có thể tiệt trùng, sử dụng lại nhiều lần. Tương thích với các loại máy thở của Bệnh viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 45  | Cái |

|      |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |       |      |
|------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------|
| 162. | Bóng nong động mạch thận                              | <p>Bóng là 1 ống thông được thiết kế đồng trục, ở đầu xa có gắn bóng ít co giãn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ cong ở đầu tận <math>10^{\circ}</math> - <math>125^{\circ}</math></li> <li>- Có 2 nòng: 1 nòng nối với bóng và 1 nòng để đưa dần dần vào được thiết kế phù hợp với dây dẫn 0.014, 0.018, 0.021.</li> <li>- Thân được thiết kế phù hợp với sheath 5F và 6F.</li> <li>- Đủ kích cỡ 9.5mm, 13.5mm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 180   | Cái  |
| 163. | Bộ ống dẫn lưu dịch não tủy (áp lực trung bình, thấp) | <p>Van có 2 kích thước phù hợp cho người lớn và trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Van có 2 loại áp lực trung bình, thấp phù hợp cho các đối tượng Bệnh nhân khác nhau</li> <li>- Catheter phủ lớp cản quang chống nhiễm trùng tối đa, kèm phụ kiện cố định chống xoắn Catheter</li> <li>- Van 2 đầu rời dây</li> <li>- Được chế tạo từ 2 loại vật liệu khác nhau tránh hiện tượng dính van, hồng van</li> <li>- Màng silicone đàn hồi ở phía trên cho phép chọc kim qua da để lấy dịch não tủy. Phía dưới là lớp nhựa polymer giúp giảm thiểu tối đa hiện tượng kim xuyên thủng van</li> <li>- Vật liệu phi kim loại nên không bị ảnh hưởng khi chụp CT, MRI</li> <li>- Các ký hiệu ở phía trên van cho biết mức áp lực và chiều dòng chảy của van.</li> </ul> | 90    | Bộ   |
| 164. | Bột bó thủy tinh 2 in                                 | <p>Kích cỡ: 2" dài 3,6m</p> <p>Kết cấu bằng sợi thủy tinh, căng kéo tốt, có độ thông thoáng khí với da nên không gây nóng và không kích ứng da; thời gian khô nhanh, bề mặt mịn trơn thẳng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 18    | Cuộn |
| 165. | Bông y tế viên                                        | <p>Thân thiện môi trường, bông trắng và sạch.</p> <p>Quy cách: phi 20, 500g/gói</p> <p>Đồng đều về kích thước và trọng lượng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6.300 | Gói  |

|      |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |     |       |
|------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------|
|      |                                                                  | Khả năng thấm hút cao và nhanh.<br>Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |       |
| 166. | Catheter bóng kép<br>nong sãn não thất                           | Chất liệu polyurethane kèm tiếp hợp khóa xoay âm, nối với bóng kép silicone, kèm 1 xi lanh 1ml, dùng cho thủ thuật nong sãn não thất III                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 18  | Bộ    |
| 167. | Chỉ phẫu thuật tự tiêu<br>chromic catgut 2.0<br>kim tam giác     | Kim sắc bén, kim tam giác dài 24 mm, 3/8 vòng tròn.<br>Chỉ tan chậm tự nhiên<br>Chromic (Catgut), dài 75 cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 90  | Sợi   |
| 168. | Chỉ phẫu thuật tự tiêu<br>chromic catgut 5.0<br>kim tam giác     | Kim sắc bén, kim tam giác dài 12 mm, 3/8 vòng tròn.<br>Chỉ tan chậm tự nhiên<br>Chromic (Catgut), dài 75 cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 216 | Miếng |
| 169. | Catheter chẩn đoán 4<br>điện cực, độ cong cố<br>định dành cho RV | Catheter chẩn đoán 4 điện cực, 4F - 5F - 6F, dài 150 cm, nhiều màu. Chân pin ký hiệu rõ ràng, độ cong cố định, kiểm soát lực xoắn và đẩy, nhiều độ cong, nhiều khoảng cách điện c                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 45  | Bộ    |
| 170. | Cannula động mạch<br>dùng cho ECMO 1<br>nòng các cỡ              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể được chèn qua da hoặc qua vết cắt phẫu thuật.</li> <li>- Cannula động mạch có nhiều kích thước và độ dài để đáp ứng cho việc đặt cannula ngoại vi</li> <li>- Thân cannula được làm bằng chất liệu Polyurethane tương thích sinh học.</li> <li>- Thân cannula được gia cố bằng một dây wire cho thành cannula mỏng nhất và lưu lượng cao nhất</li> <li>- Kích thước đường kính ngoài từ 15Fr đến 19Fr.</li> <li>- Kích thước chiều dài Cannula động mạch là 15cm và 23cm</li> <li>- Cannula động mạch có 1 cặp lỗ trên đầu cannula.</li> <li>- Thân Cannula được làm cứng chọn lọc, ngăn ngừa cannula bị xoắn sau khi chèn.</li> <li>- Cannula động mạch có thể được chèn qua da qua một dây dẫn 0.038 inch</li> </ul> | 18  | Cái   |

|      |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |       |       |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|
| 171. | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 có chất kháng khuẩn, số 2/0, kim tròn 1/2 vòng tròn. Thời gian tiêu khoảng 60 ngày. | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, bọc thành phần tối thiểu bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn số 2/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 22mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau $\geq 28$ ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: $\geq 60$ ngày.                                                               | 1.134 | Miếng |
| 172. | Dịch lọc thận nhân tạo HD Plus 144A hoặc tương đương                                                                        | Can 10 lít dd đậm đặc chứa:<br>• Natri clorid: 2708.69g<br>• Kali clorid: 67.10g<br>• Calciclorid.2H2O: 99.24 g<br>• Magnesi clorid.6H2O: 45.75g<br>• Acid acetic băng: 81.00g<br>• Glucose H2O : 494.99g<br>• Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít<br>Can dịch và nắp dịch bên trong can đạt tương hợp sinh học:<br>+ Can/Nắp can không gây tán huyết<br>+ Can/Nắp can không có chất gây độc tế bào<br>+ Can/Nắp can không chứa chất gây sốt | 180   | Bình  |
| 173. | Dịch lọc thận nhân tạo HD Plus 8.4B hoặc tương đương                                                                        | Can 10 lít dd đậm đặc chứa:<br>• Natri Bicarbonate: 840g<br>• Dinatri Edetat. 2H2O: 0.5 g<br>• pH : 7.3 - 8.6<br>• Al $\leq 0.1$ mg/ml trên chế phẩm chưa pha loãng<br>• Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít<br>Can dịch và nắp dịch bên trong can đạt tương hợp sinh học:<br>+ Can/Nắp can không gây tán huyết<br>+ Can/Nắp can không có chất gây độc tế bào<br>+ Can/Nắp can không chứa chất gây sốt                                       | 288   | Bình  |
| 174. | Đồng hồ lưu lượng khí nén (Air)                                                                                             | - Sử dụng cho hệ thống khí nén trung tâm y tế.<br>- Tầm chỉnh lưu lượng: 0 – 15 lít/ phút.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 90    | Cái   |

|      |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |        |     |
|------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----|
|      |                                                   | Cấp chính xác độ phân vạch:<br>0.5 lít/ phút.<br>Cấu hình bao gồm:<br>- Cột đo lưu lượng khí nén 15<br>lít/phút.<br>- Đầu nối xong khí dung                                                                                                                                                                                  |        |     |
| 175. | Đồng hồ Oxy bình                                  | - Bao gồm: van giảm áp, đồng<br>hồ hiển thị áp lực oxy<br>- Áp lực đầu vào: 15Mpa<br>- Áp lực đầu ra: 0,2Mpa<br>- Lưu lượng điều chỉnh oxy: 0-<br>15 lít/phút                                                                                                                                                                | 180    | Bộ  |
| 176. | Huyết áp kế                                       | Một bộ bao gồm:<br>Đồng hồ đo huyết áp: cho ra<br>kết quả chính xác khi đo.<br>Brassard 2 dây.<br>Quả bóp có van<br>Ổng nghe.                                                                                                                                                                                                | 72     | Cái |
| 177. | Kim chích nha số 27                               | - Răng khóa được thiết kế chắc<br>chắn khi vặn kim vào. Kim sắc<br>bén, nhọn giảm cảm giác đau,<br>khó chịu cho bệnh nhân.<br>- Size: 27G x 13/16" (0.40 x<br>21mm; 0.40 x 30mm).<br>- Hạn dùng: 60 tháng kể từ<br>ngày sản xuất.                                                                                            | 16.200 | Cây |
| 178. | Ống chích 0.5ml                                   | - 100 UI<br>- Đường kính nhỏ 30G, đầu<br>kim phủ silicone<br>- Chiều dài kim ngắn 5/16"<br>(8mm) với đường kính lòng<br>kim lớn<br>- Vạch chia từng đơn vị đậm và<br>rõ nét, không khoảng chết<br>- Dung tích 0.5ml đóng gói<br>riêng lẻ từng cái.                                                                           | 810    | Ống |
| 179. | Ống cho ăn không có<br>DEHP, có cản quang<br>số 6 | Ống thẳng, đầu ống tròn, mềm,<br>trơn tru dễ sử dụng, có lỗ bên<br>cho phép tăng lưu lượng chất<br>lỏng.<br>Đầu gắn gắn với bộ nối luer,<br>Có nắp đậy.<br>dây bằng PVC đã loại DEHP<br>và latex, sử dụng $\geq 4$ tuần; đầu<br>ống bo tròn; dây cản quang dài<br>tối thiểu 50cm, có chia vạch<br>Đóng gói vô trùng từng cái | 288    | Cái |

|      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |        |     |
|------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----|
| 180. | Ống cho ăn không có DEHP, có cảm quang số 10                   | Ống thẳng, đầu ống tròn, mềm, trơn tru dễ sử dụng, có lỗ bên cho phép tăng lưu lượng chất lỏng.<br>Đầu gắn gắn với bộ nối luer, Có nắp đậy.<br>dây bằng PVC đã loại DEHP và latex, sử dụng $\geq 4$ tuần; đầu ống bo tròn; dây cảm quang dài tối thiểu 50cm, có chia vạch<br>Đóng gói vô trùng từng cái                                                                                    | 297    | Cái |
| 181. | Ống cho ăn không có DEHP, có cảm quang số 5                    | Ống thẳng, đầu ống tròn, mềm, trơn tru dễ sử dụng, có lỗ bên cho phép tăng lưu lượng chất lỏng.<br>Đầu gắn gắn với bộ nối luer, Có nắp đậy.<br>dây bằng PVC đã loại DEHP và latex, sử dụng $\geq 4$ tuần; đầu ống bo tròn; dây cảm quang dài tối thiểu 50cm, có chia vạch<br>Đóng gói vô trùng từng cái                                                                                    | 234    | Cái |
| 182. | Oxy cell cho máy giúp thở Servo hoặc tương đương               | Oxy cell cho máy giúp thở Servo hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 45     | Cái |
| 183. | Ống hút đàm có kiểm số 16                                      | Ống thẳng mềm mại, không bị gập, trong, có khóa kiểm soát. Chiều dài tối thiểu $\geq 45$ cm. Đầu xa tròn mềm mịn với 2 lỗ dẫn lưu so le nhau.<br>Có Mã hóa màu co nối khác nhau theo size                                                                                                                                                                                                  | 45     | Cái |
| 184. | Ống thông khí cho tai                                          | Ống thông khí tai dùng trong tai mũi họng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 135    | Cái |
| 185. | Phim khô laser 20cm x 25cm dùng tương thích cho máy Fuji DI-HL | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước 20x25 cm.</li> <li>- Công nghệ in: khô, laser.</li> <li>- Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1%.</li> <li>- Tương thích với máy in phim khô Drypix series: Drypix Plus (4000), Drypix Smart (6000), Drypix 7000, Drypix Edge (8000).</li> </ul> | 27.000 | Tờ  |

|      |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |     |
|------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
| 186. | Phim khô laser 26cm x 36cm dùng tương thích cho máy Fuji DI-HL | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước 26x36 cm.</li> <li>- Công nghệ in: khô, laser.</li> <li>- Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1%.</li> <li>- Tương thích với máy in phim khô Drypix series: Drypix Plus (4000), Drypix Smart (6000), Drypix 7000, Drypix Edge (8000).</li> </ul>                                                                                                                                           | 900 | Tờ  |
| 187. | Tấm Plate cho sơ sinh                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu foam mỏng, không chứa latex, tản nhiệt nhanh, không tích tụ nhiệt</li> <li>- Độ tăng nhiệt độ thấp trong suốt quá trình kích hoạt sử dụng (<math>\leq 30.4^{\circ}\text{C}</math> đến <math>\leq 34.5^{\circ}\text{C}</math>)</li> <li>- Lớp đệm foam dán đàn hồi, tạo hình theo cơ thể</li> <li>- Sử dụng dán được mọi hướng</li> <li>- Bản cực viền thông minh với gel chống thấm nước bảo vệ tối đa vùng dán</li> <li>- Thiết kế vòng điện cực an toàn điện đối xứng</li> </ul> | 675 | Tấm |
| 188. | Dây thở trẻ em, sơ sinh (5 đoạn)                               | <p>Bao gồm: 5 đoạn dây silicone, co nổi chữ Y và bẫy nước và các đầu nối dây.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hấp autoclave (lên đến <math>134^{\circ}\text{C}</math>), Cidex hoặc thanh trùng cho hơn 50 lần tái sử dụng</li> <li>- Thành trong trơn giúp giảm sự ngưng tụ nước bên trong ống và giảm nén thể tích khí</li> </ul>                                                                                                                                                                                      | 100 | Bộ  |
| 189. | Kéo phẫu thuật nhỏ                                             | Aesculap BC111R hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 20  | Cây |
| 190. | Kéo Mayo thẳng                                                 | Promed 13.0400 hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 20  | Cây |
| 191. | Nhíp có mấu                                                    | Promed 14.0550 hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 20  | Cây |
| 192. | Kẹp mang kim                                                   | Promed 18.1080 hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 20  | Cây |

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Nhi Đồng 1, số 341 Sư Vạn Hạnh,

Phường 10, Quận 10, Tp. HCM.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày, từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: theo quy định của Luật Thương mại.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu) và các tài liệu khác theo yêu cầu của **Biểu mẫu chào giá** (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

+ Bảng tính năng kỹ thuật trang thiết bị y tế theo Thư chào giá – **Biểu mẫu và hướng dẫn** (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

+ Các căn cứ xác định giá tương tự của hàng hóa: quyết định trúng thầu/hợp đồng tương tự của loại hàng hóa/dịch vụ tương tự (tương đồng gần nhất với yêu cầu chào giá của loại hàng hóa/dịch vụ mà công ty/nhà thầu tham gia chào giá).

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTTBYT (NTH,1b).



**Nguyễn Thanh Hùng**

## PHỤ LỤC: BIỂU MẪU CHÀO GIÁ

### BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

| STT | Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup> | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup> | Mã HS <sup>(4)</sup> | Năm sản xuất <sup>(5)</sup> | Xuất xứ <sup>(6)</sup> | Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup> | Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND) | Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND) |
|-----|---------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Thiết bị A                            |                                                        |                      |                             |                        |                                    |                              |                                                        |                                                  |                                  |
| 2   | Thiết bị B                            |                                                        |                      |                             |                        |                                    |                              |                                                        |                                                  |                                  |
| n   | ...                                   |                                                        |                      |                             |                        |                                    |                              |                                                        |                                                  |                                  |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

#### 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,  
nhà cung cấp<sup>(12)</sup>

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.